

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo KT- KT, thiết kế BVTC và dự toán  
Công trình: Trường tiểu học xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SON**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển Trung ương và vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020, tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của các ông: Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 170/TĐ-KTHT ngày 24/7/2020; Chủ tịch UBND xã Dân Lý tại Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 20/7/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế BVTC và dự toán công trình Trường tiểu học xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên công trình:** Trường tiểu học xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- 2. Hạng mục:** Nhà lớp học kết hợp hiệu bộ 2 tầng
- 3. Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp III.
- 4. Chủ đầu tư:** UBND xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn.
- 5. Đơn vị khảo sát thiết kế, lập dự toán xây dựng:** Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Tây Thành.
- 6. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Đầu tư xây dựng nhà lớp học kết hợp hiệu bộ 2 tầng, trang thiết bị đảm bảo nhu cầu dạy và học của Trường tiểu học xã Dân Lý.

**7. Địa điểm xây dựng:** Xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**8. Quy mô, các giải pháp thiết kế chủ yếu công trình.**

**8.1. Giải pháp kiến trúc:**

Công trình có mặt bằng hình chữ nhật, kích thước 9,0m x 55,15m, gồm 02 tầng; hành lang rộng 2,4m; 2 cầu thang bộ rộng 4,2m và 3,9m; chiều cao các tầng nhà 3,6m, chiều cao từ cos nền nhà đến cos đỉnh mái là 9,55m. Các tầng được bố trí:

- Tầng 1 gồm: Kho sách, phòng y tế và 5 phòng học.
- Tầng 2 gồm: Phòng Hiệu trưởng, phòng Hiệu phó, phòng kế toán, phòng thiết bị và kho, phòng truyền thống, phòng tin học, phòng hội đồng và khu vệ sinh nam nữ riêng biệt;
- Tường xây gạch không nung 2 lỗ (6,5x10,5x22)cmVXM M50#, trát trong và ngoài VXM M75# d=15. Nền nhà lát gạch Ceramic 500x500 ;
- Cửa đi, cửa sổ, vách kính cố định là cửa nhựa uPVC lõi thép gia cường, kính trắng dán 2 lớp an toàn dày 6,38mm; hoa sắt cửa sổ thép vuông đặc 14x14mm sơn hoàn thiện 3 nước.
- Mái xây tường thu hồi gạch không nung 2 lỗ (6,5x10,5x22)cmVXM 50#, xà gồ thép U80x40x3 dập, mái lợp tôn liên doanh dày 0,4mm chống nóng.
- Lan can tầng 1, tầng 2 bằng lan can sắt hộp mạ kẽm, sơn tĩnh điện; lan can cầu thang bằng song Inox, trụ cầu thang bằng Inox, tay vịn tiết diện 70x80 gỗ nhóm III.
- Bậc cầu thang , bậc tam cấp xây bằng gạch không nung VXM M50#, mặt bậc lát đá Granit.

**8.2. Giải pháp kết cấu :**

- Phần móng: Móng trụ BTCT M200# đá 1x2; móng dưới tường xây đá hộc vữa XM50#; trên móng có hệ giằng móng BTCT đá 1x2 M200# đổ tại chỗ, tiết diện giằng móng 220x300.
- Phần thân: Nhà kết cấu khung sàn chịu lực, Hệ cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 M200# đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình 220x550mm, 220x350 và 220x300mm; tiết diện cột điển hình 220x330mm; 220x220mm. Sàn BTCT đá 1x2 dày 10cm; bản BTCT cầu thang bộ dày 10cm.

**8.3. Giải pháp cấp điện, chống sét:**

- Cấp điện: Được lấy từ mạng điện hiện có kéo vào công trình bằng cáp CU/XLPE/DSTA/PVC 3x25+1x16mm<sup>2</sup> được luồn trong ống nhựa gân xoắn D76 chôn ngầm dưới đất. Nguồn điện từ tủ điện tổng đến tủ điện các tầng bằng cáp Cu/PVC 2x10mm<sup>2</sup>; dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x1,5mm<sup>2</sup>, 2x2,5mm<sup>2</sup>, 2x4,0mm<sup>2</sup>. Hệ thống dây dẫn điện luồn trong ống gen nhựa cứng đi ngầm trong tường và trần.
- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép  $\phi$ 16 dài 1,5m, dây dẫn sét thép  $\phi$ 10. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m, chôn sâu cách mặt đất 0,8m, dây tiếp địa thép  $\phi$ 16.

**8.4. Giải pháp cấp, thoát nước:**

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước của khu vực và được bơm lên téc nước Inox 2m<sup>3</sup> đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh. Ống cấp nước sử dụng các ống PPR.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ chậu, sàn, lavabo, được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

- Nước mưa trên mái được thu về sê nô xung quanh mái vào các ống đứng thoát nước PVC D100 và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

#### **8.5. Phòng cháy, chữa cháy trong nhà:**

Hệ thống phòng cháy chữa cháy trong nhà gồm: 04 hộp đựng bình chữa cháy; mỗi hộp có 02 bình chữa cháy MFZ4 và 01 bình CO2MT3; bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy được đặt tại vị trí cầu thang và hành lang.

### **9. Giá trị dự toán và nguồn vốn.**

#### **9.1. Giá trị dự toán : 6.554.560.000đ.**

*(Sáu tỷ, năm trăm năm mươi tư triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây lắp:	4.923.564.000đ;
- Chi phí thiết bị (Tạm tính):	704.340.000đ;
- Chi phí QLDA:	141.362.716đ;
- Chi phí TVĐTXD:	383.721.198đ;
- Chi phí khác:	89.450.053đ;
- Chi phí dự phòng:	312.121.898đ;

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

**9.2. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020, ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**10. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

**11. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2020.

**Điều 2.** Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây Dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo; Nông nghiệp và PTNN; Chủ tịch UBND xã Dân Lý; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện Triệu Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

## PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG TIỂU HỌC XÃ DÂN LÝ, HUYỆN TRIỆU SƠN**

**HẠNG MỤC: NHÀ LỚP HỌC KẾT HỢP HIỆU BỘ 2 TẦNG**

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-UBND ngày /7/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

ĐVT: VNĐ

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT(10%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>4.475.967.273</b>	<b>447.596.727</b>	<b>4.923.564.000</b>
1	Phần kết cấu, kiến trúc	4.049.026.364	404.902.636	4.453.929.000
2	Phần điện, nước, hè, rãnh	386.322.727	38.632.273	424.955.000
3	Phá dỡ	40.618.182	4.061.818	44.680.000
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT BỊ</b>	<b>640.309.091</b>	<b>64.030.909</b>	<b>704.340.000</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>141.362.716</b>		<b>141.362.716</b>
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	<b>348.837.453</b>	<b>34.883.745</b>	<b>383.721.198</b>
1	Chi phí khảo sát địa chất, địa hình	61.846.364	6.184.636	68.031.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	127.906.909	12.790.691	140.697.600
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán	22.737.914	2.273.791	25.011.705
4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	15.486.847	1.548.685	17.035.531
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư thiết bị	1.671.207	167.121	1.838.327
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	114.853.320	11.485.332	126.338.652
7	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	4.334.893	433.489	4.768.382
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>83.457.312</b>	<b>5.992.740</b>	<b>89.450.053</b>
1	Chi phí thẩm định Báo cáo KTKT	622.683		622.683
2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	5.116.276		5.116.276
3	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	17.790.948		17.790.948
4	Chi phí kiểm toán	59.927.404	5.992.740	65.920.145
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>284.496.692</b>	<b>27.625.206</b>	<b>312.121.898</b>
	Dự phòng do yếu tố phát sinh khối lượng	284.496.692	27.625.206	312.121.898
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.974.430.537</b>	<b>580.129.328</b>	<b>6.554.559.865</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>			<b>6.554.560.000</b>

(Sáu tỷ, năm trăm năm mươi tư triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng)